

Số: 115/QĐ-TĐC

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc giao dự toán Ngân sách nhà nước năm 2019 (đợt 1)**

**TỔNG CỤC TRƯỞNG**  
**TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG**

Căn cứ Quyết định số 27/2014/QĐ-TTg ngày 4/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;

Căn cứ Quyết định số 4074/QĐ-BKHCN ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch Tài chính, Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019 cho Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 theo phụ lục đính kèm.

**Điều 2.** Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019 được giao, Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện, bảo đảm:

1. Thực hiện nghiêm chủ trương tiết kiệm chi tiêu, chống lãng phí, cắt giảm các khoản chi chưa cấp thiết, giảm tối đa các hội nghị, tổ chức lễ hội, đi công tác ngoài nước không thực sự thiết thực.

2. Tạo nguồn thực hiện tiền lương tăng thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trên cơ sở tiết kiệm 10% dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2019 và bổ sung từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp.

**Điều 3.** Vụ trưởng Vụ Kế hoạch Tài chính, Giám đốc Trung tâm Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

**Nơi nhận :**

- TT Kỹ thuật TĐC 1;
- KBNN nơi giao dịch;
- Vụ KHTC (Bộ KH&CN);
- Lưu: VT, KHTC.

**TỔNG CỤC TRƯỞNG**



*Trần Văn Minh*



## DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

Đơn vị: Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1  
(Kèm theo Quyết định số 115/QĐ-TĐC ngày 10 tháng 01 năm 2019  
của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)

Đơn vị: 1.000 đồng

| TT        | Nội dung                                                 | Tổng số            |
|-----------|----------------------------------------------------------|--------------------|
| <b>I</b>  | <b>TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ</b>       |                    |
| <b>1</b>  | <b>Số thu</b>                                            | <b>110.000.000</b> |
|           | Số thu phí, lệ phí                                       | 10.500.000         |
|           | Số thu hoạt động dịch vụ                                 | 99.500.000         |
|           | Các khoản thu khác                                       |                    |
| <b>2</b>  | <b>Số chi phí, lệ phí (phần được để lại)</b>             | <b>8.400.000</b>   |
|           | Số chi phí, lệ phí (phần được để lại)                    | 8.400.000          |
|           | Số chi hoạt động dịch vụ                                 |                    |
|           |                                                          |                    |
| <b>3</b>  | <b>Số nộp Ngân sách nhà nước từ phí, lệ phí</b>          | <b>2.100.000</b>   |
|           |                                                          |                    |
| <b>II</b> | <b>DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>                    | <b>2.027.000</b>   |
| <b>1</b>  | <b>Nghiên cứu khoa học (Loại 100, khoản 101)</b>         | <b>1.227.000</b>   |
| 1.1       | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ        | -                  |
|           | Trong đó:                                                |                    |
|           | - Kinh phí được giao khoán (mã 0116)                     |                    |
|           | - Kinh phí không được giao khoán (mã 0216)               | -                  |
| 1.2       | Kinh phí thường xuyên                                    | -                  |
| 1.3       | Kinh phí không thường xuyên (mã 0212)                    | 1.227.000          |
|           |                                                          |                    |
| <b>2</b>  | <b>Sự nghiệp bảo vệ môi trường (Loại 250, khoản 251)</b> | <b>800.000</b>     |
| 2.1       | Kinh phí thường xuyên                                    | -                  |
| 2.2       | Kinh phí không thường xuyên                              | 800.000            |
|           |                                                          |                    |

|                                         |                       |
|-----------------------------------------|-----------------------|
| Địa điểm KBNN nơi đơn vị SDNS giao dịch | KBNN Cầu Giấy, Hà Nội |
| Mã Kho bạc                              | 0023                  |
| Mã số đơn vị sử dụng ngân sách          | 1059091               |